TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-6-2019
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Ông Hồ Văn Bún

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐ ST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1973. Địa chỉ: Đường Nguyễn Trung Trực, khu phố A, Thị trấn H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Nguyễn Huỳnh Tấn D (Nguyễn Huỳnh Tuấn D), sinh năm 1974. Địa chỉ: Đường Nguyễn Trung Trực, khu phố A, Thị trấn H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Bà V có mặt, ông D vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về yêu cầu của nguyên đơn: Theo đơn xin ly hôn đề ngày 15/3/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân: Xin ly hôn với ông D; Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên không có yêu cầu; Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do nên không ghi nhận được ý kiến của ông D.

Về các tình tiết cụ thể của vụ án được nguyên đơn trình bày và thể hiện trong các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án như sau: Bà và ông D tự tìm hiểu nhau một thời gian khoảng 01 năm thì tổ chức lễ cưới vào năm 1994, đến năm 2014 thì đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An; Sau khi cưới bà và ông D sinh sống tại Đường Nguyễn Trung Trực, khu phố A, Thị trấn H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An cho đến nay; Cuộc sống hôn nhân của bà hạnh phúc được đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông D hay vay tiền của nhiều người rồi gây nợ nần, ông D vay tiền để làm gì bà đều không biết nhưng bà đã nhiều lần đứng ra trả nợ cho ông D, bà có khuyên nhưng ông D không thay đổi; Ông D còn có tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài; Gia đình hai bên có hòa giải cho vợ chồng bà, bà cũng đồng ý bỏ qua mọi chuyện nhưng ông D vẫn không thay đổi, ông D vẫn giấu bà chuyện tiền bạc và thường xuyên vắng nhà mà không thông báo với bà, có khi đi mấy ngày không về; Bà cảm thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà đã nhiều lần viết đơn yêu cầu ly hôn với ông D, cụ thể là tháng 5/2018 bà viết đơn ly hôn và ông D cũng đồng ý ký tên nhưng bà chưa nộp đơn vì muốn cho ông D cơ hội, đến tháng 3/2019 thì bà đã quyết định nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung: Bà và ông D có một con chung tên Nguyễn Hải Â, sinh ngày 04/7/1998, con chung đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày nêu trên.

Về các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ: Nguyên đơn đã giao nộp: bản chính giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh của con chung, xác nhận về cư trú ông D, bản tự khai, bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà V. Các tài liệu chứng cứ nêu trên đã được Tòa án công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bà V yêu cầu ly hôn với ông D; ông D có nơi cư trú tại Đường Nguyễn Trung Trực, khu phố A, Thị trấn H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Ông D đã được triệu hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông D là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân của bà V và ông D là hôn nhân hợp pháp được hình thành trên cở sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H vào năm 2014 theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp;

Bà V xác định từ năm 2008 bà và ông D sống không có hạnh phúc vì ông D không trung thực với bà về các vấn đề kinh tế và ông D còn có tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, thường xuyên vắng nhà không quan tâm, chia xẻ với bà các vấn đề trong cuộc sống, mặc dù gia đình hai bên cũng đã hòa giải và bà nhiều lần khuyên ông D nhưng ông D không thay đổi, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, bà đã không còn tình cảm với ông D; Đồng thời, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thông báo, quyết định cho ông D nhưng ông D cũng không liên hệ đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, tại đơn ly hôn bà V viết tháng 3 năm 2018 ông D cũng thống nhất ký tên như vậy ông D đã không quan tâm đến việc bà V yêu cầu ly hôn, có thái độ bỏ mặc tình trạng hôn nhân cho bà V tự định đoạt. Tại phiên tòa bà V kiên quyết yêu cầu được ly hôn.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của bà V và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Con chung đã trưởng thành nên Tòa án không đề cập đến.

[5] Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Bà V xác định không có còn ông D cũng không có đơn tranh chấp vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến, trường hợp sau này bà V và ông D có tranh chấp thì sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu về ly hôn của bà V.

[6] Về án phí: Do bà V có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và bà V không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà V phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị V.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Nguyễn Huỳnh Tấn D.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 19/3/2019 theo biên lai thu tiền số 0004343 sang tiền án phí.

Báo cho bà V biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- UBND TT H;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Liễu